

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K4 NĂM 2015

Tháng 1 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	7	490	500	10	12.650	126.500	
102	8	527	542	15	12.650	189.750	
103	8	289	291	2	12.650	25.300	
104	8	415	416	1	12.650	12.650	
105	8	426	428	2	12.650	25.300	
106	8	430	434	4	12.650	50.600	
107	PSHC					0	
108						0	
109	8	434	437	3	12.650	37.950	
110	8	399	415	16	12.650	202.400	
111	8	625	638	13	12.650	164.450	
112	2	428	434	6	12.650	75.900	
113	8	473	478	5	12.650	63.250	
114	3	360	364	4	12.650	50.600	
201	8	440	455	15	12.650	189.750	
202	8	572	578	6	12.650	75.900	
203	8	569	574	5	12.650	63.250	
204	7	802	808	6	12.650	75.900	
205	8	496	501	5	12.650	63.250	
206	7	555	563	8	12.650	101.200	
207	8	506	526	20	12.650	253.000	
208	8	636	645	9	12.650	113.850	
209	8	622	633	11	12.650	139.150	
210	1 Campuchia	1016	1040	24	12.650	303.600	
211	8	540	553	13	12.650	164.450	
212	1 Campuchia	543	559	16	12.650	202.400	
213	8	617	637	20	12.650	253.000	
214	1 Campuchia	986	1011	25	12.650	316.250	
301	0	454			12.650	0	
302	7	612	619	7	12.650	88.550	
303	4	578	586	8	12.650	101.200	
304	8	467	481	14	12.650	177.100	
305	8	446	453	7	12.650	88.550	
306	6	500	509	9	12.650	113.850	
307	PSHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	541	561	20	12.650	253.000	
310	6	474	478	4	12.650	50.600	

311	8	495	508	13	12.650	164.450
312	8	583	588	5	12.650	63.250
313	8	627	639	12	12.650	151.800
314	7	591	603	12	12.650	151.800
401	8	438	449	11	12.650	139.150
402	8	321	324	3	12.650	37.950
403	8	486	499	13	12.650	164.450
404	8	410	412	2	12.650	25.300
405	8	452	465	13	12.650	164.450
406	8	478	492	14	12.650	177.100
407	8	406	411	5	12.650	63.250
408	8	322	325	3	12.650	37.950
409	8	505	523	18	12.650	227.700
410	1	596	622	26	12.650	328.900
411	8	546	571	25	12.650	316.250
412	7	449	460	11	12.650	139.150
413	8	479	492	13	12.650	164.450
414	8	467	472	5	12.650	63.250
501	8	284	285	1	12.650	12.650
502	8	409	414	5	12.650	63.250
503	8	361			12.650	0
504	8	346	351	5	12.650	63.250
505	8	303	308	5	12.650	63.250
506	8	268	271	3	12.650	37.950
507	8	307			12.650	0
508	8	492	494	2	12.650	25.300
509	8	274	278	4	12.650	50.600
510	8	410	413	3	12.650	37.950
511	8	245	246	1	12.650	12.650
512	8	313	321	8	12.650	101.200
513	8	281	283	2	12.650	25.300
514	8	278	281	3	12.650	37.950
Cộng	467			579		7.324.350

(Bảng chữ: Bảy triệu ba trăm hai mươi tư nghìn ba trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà